

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16/01/2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan Anh và ông Cao Vũ Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 11/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST - HNGĐ ngày 31/12/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1983; HKTT: Khu phố Đ, phường X, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1981; HKTT: Khu phố H, phường X, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là chị Đinh Thị Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Th1 ngày 14/4/2004 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường X, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại H, X.

Theo chị, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ năm 2014. Vợ chồng thường xuyên xô xát. Nhiều lần anh Th1 đánh chị nhưng gia đình nhà chồng không can thiệp. Năm 2015 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay chấm dứt mọi quan hệ. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh Th1.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến L, sinh ngày 04/02/2005 và Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/5/2010. Cháu L đã trên 18 tuổi nên chị không đề nghị toà án xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Chị xin nuôi dưỡng cháu D, không đề nghị anh Th1 cấp dưỡng nuôi con. Anh Th1 có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, toà án tổng đạt những văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Văn Th1 nhưng anh Th1 từ chối nhận, từ chối trình bày lời khai. Do vậy, toà án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng đối với anh Th1.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: chị Th và anh Th1 kết hôn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị Th, anh Th1 chung sống hoà thuận tại H, X. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 phát sinh khoảng năm 2015 – 2016 và chị Th, anh Th1 sống ly thân từ đó đến nay là đúng. Quá trình chung sống, Chị Th, anh Th1 có 02 con chung, hiện cháu lớn đã trên 18 tuổi, cháu bé đang sống với anh Th1. Địa phương đề nghị toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành vì anh Th1 vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng đã được tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Th1.

- Con chung: Chị Đinh Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/5/2010. Anh Th1 có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn là chị Đinh Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1 cùng có hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại phường X, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của vụ án. Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đối với bị đơn. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1 kết hôn ngày 14/4/2004, được UBND xã X, huyện T nay là UBND phường X, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Th và anh Th1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn được chị Th xác định là bất đồng quan điểm sống, xô xát lẫn nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị Th xin ly hôn anh Th1. Toà án đã hoà giải nhưng anh Th1 không có mặt để tham gia hoà giải.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Th được ly hôn anh Th1.

Con chung: chị Th xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến L, sinh ngày 04/02/2005 và Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/5/2010. Hiện cháu L đã trên 18 tuổi nên chị Th không đề nghị toà án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con. Chị Th đề nghị được nuôi cháu D. Toà án lấy lời khai, cháu D có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy cháu D ở với anh Th1 từ khi vợ chồng ly thân đến nay nhưng toàn bộ quá trình tố tụng của vụ án, anh Th1 không trình bày quan điểm về con chung. Xét nguyện vọng của chị Th và cháu D nên cần giao cháu D cho chị Th nuôi dưỡng. Anh Th1 có quyền đi lại thăm nom con chung.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung chị Th không đề nghị toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Th1.

- Con chung: Chị Đinh Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/5/2010. Sau khi ly hôn anh Th1 có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số BLTU/24/0001491 ngày 29/10/2024, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 BLTTDS: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS thị xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường X
(KH số 13 ngày 14/4/2004)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Minh Nguyệt